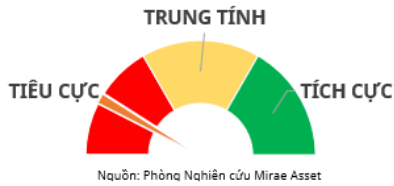


24 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,041.36	-0.1	-0.5	-24.5
HNX	206.76	-0.1	0.5	-42.4
UPCOM	77.90	-0.1	2.3	-25.2
MSCI EM	980.74	-0.9	0.9	-8.8
NIKKEI	28,593.52	0.1	4.4	5.5
HANG SENG	19,959.94	-0.6	0.2	-3.3
KOSPI	2,523.50	-0.8	4.5	-6.7
FTSE	7,911.52	0.0	6.8	5.2
S&P 500	4,133.52	0.1	4.1	-3.2
NASDAQ	12,072.46	0.1	2.1	-6.0

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.7	1.6	13.7
Indonesia	15.8	1.9	12.0
Philippines	14.4	1.6	10.1
Malaysia	14.9	1.3	10.3
Thái Lan	19.1	1.5	8.2

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.8	0	-60	58
TPCP 10 năm	3.3	3	-18	24

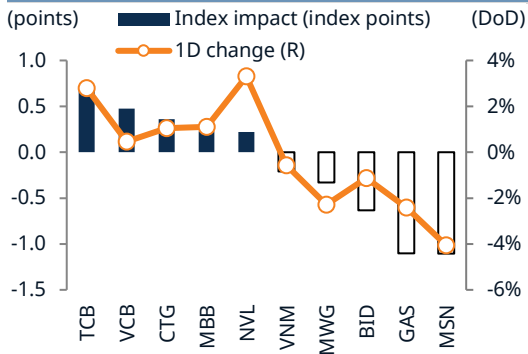
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,496	0.0	-0.1	2.3
US\$/KRW	1,335.1	0.5	3.2	6.8
US\$/JPY	134.4	0.2	2.8	4.9
US\$/EUR	0.91	-0.2	-2.2	-2.7
US\$/GBP	0.80	0.0	-1.6	2.5
US\$/SGD	1.33	0.0	0.2	-2.9

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	375	427	407
HNX	52	53	43
UPCOM	18	18	16

### Các cổ phiếu tác động VN-Index



### Nhận định thị trường

#### VN-Index trong thế giằng co

Tiếp tục là diễn biến giao dịch giằng co trong biên độ của VN-Index khi sắc đỏ và xanh liên tục thay nhau đổi vị trí. Thế nhưng, kết phiên VN-Index ghi nhận mất 1,5 điểm, và đóng cửa tại 1,041 điểm. Thanh khoản có phần sụt giảm nhẹ khi chỉ đạt hơn 451 triệu đơn vị khớp lệnh, so với 512 triệu đơn vị trong phiên giao dịch cuối tuần trước, tương ứng giá trị khớp lệnh đạt hơn 7,183 tỷ đồng.

Nhiều cổ phiếu nằm ở những nhóm ngành khác nhau với vốn hóa nhỏ đã có phần khởi sắc trong phiên này khi đóng cửa với sắc tím như HQC, KMR, HTN, TV2, NAF, BCG, ... Trong nhóm vốn hóa lớn VN30, diễn biến cân bằng hơn khi số mã tăng và giảm bằng nhau, cụ thể MSN, GAS và MWG có tỷ lệ giảm mạnh nhất lần lượt ở 4,1%, 2,4% và 2,3%. Ngược lại, NVL, TCB và POW là những mã có mức tăng tốt lần lượt đạt 3,3%; 2,8% và 1,6%.

Nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng hơn 240 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu danh sách mua ròng là MSB với tổng giá trị đạt hơn 346 tỷ đồng và vị trí thứ 2 có HPG với 120 tỷ. Ngược lại MSN và SSI bị bán ròng lần lượt 31 tỷ và 24 tỷ trong phiên.

Với diễn biến đóng cửa trong sắc đỏ làm cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index vẫn giữ nguyên mức đánh giá -5 điểm, và trạng thái ngắn hạn là TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại ở mức 13,7x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-5	TIÊU CỰC
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(\* Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
VN FIN SELECT	-5	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (24/04/2023)	Kháng cự 1	<b>1.050</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.080</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.020</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.000</b>

VN-Index liên tục mất điểm kể từ khi rời ngưỡng hỗ trợ tại 1,050 điểm và đang có xu hướng kiểm định ở những vùng thấp hơn.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (24/04/2023)	1.040	Kháng cự 1	<b>1.050</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.100</b>
VN30 - đóng cửa	1.041	Hỗ trợ 1	<b>1.020</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-5,3</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.000</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>-6</b>	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>-6</b>	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>

VN30F1M tiếp tục bị bán mạnh và giảm nhẹ đà tăng vào cuối phiên

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GIL	Dệt may	24,600	891,860	100	6	
TV2	Điện	25,350	173,145	99	7	
MBS	Chứng khoán	17,400	4,320,655	97	4	
PET	Bán lẻ	25,200	854,505	92	4	
CTD	Xây dựng	58,800	664,095	86	7	
SBT	Thực phẩm	16,850	3,282,325	83	7	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SBT	16.85	3,282,325	7	KHẢ QUAN	11,310	17.4	1.2	55
CTD	58.8	664,095	7	KHẢ QUAN	4,343	319.6	0.5	39
ORS	13.25	3,385,640	5	KHẢ QUAN	2,650	#N/A N/A	1.1	45
TCM	52	601,455	5	KHẢ QUAN	4,261	18.6	2.2	31
AGR	12.1	2,030,595	5	KHẢ QUAN	2,606	18.6	1.0	25
NLG	31.5	2,646,355	4	KHẢ QUAN	12,099	24.4	1.4	83
MBS	17.4	4,320,655	4	KHẢ QUAN	9,312	15.3	1.4	75
KDC	63	1,049,925	4	KHẢ QUAN	16,205	#N/A N/A	2.5	66
TNG	17.9	2,015,715	4	KHẢ QUAN	1,882	6.3	1.2	36
CTF	37.6	721,225	4	KHẢ QUAN	2,858	25.9	3.2	27
APS	13.4	3,058,940	3	TRUNG TÍNH	1,112	#N/A N/A	1.2	41
VHC	60.3	533,755	2	TRUNG TÍNH	11,003	6.7	1.4	32
SAB	171.1	165,150	2	TRUNG TÍNH	109,723	21.5	4.7	28
HQC	4.53	16,813,260	1	TRUNG TÍNH	2,159	114.8	0.5	76
DIG	16.9	22,149,776	0	TRUNG TÍNH	10,306	71.5	1.4	374
PVS	25	4,174,850	0	TRUNG TÍNH	11,949	13.5	1.0	104
VIX	8.04	12,843,880	0	TRUNG TÍNH	4,680	73.5	0.6	103
IDJ	12.4	4,781,070	0	TRUNG TÍNH	2,151	14.3	1.1	59
BCG	8.21	6,826,295	0	TRUNG TÍNH	4,380	10.6	0.7	56
BSI	29.2	1,785,585	0	TRUNG TÍNH	5,469	40.9	1.2	52
HAH	38.8	1,211,690	0	TRUNG TÍNH	2,729	3.8	1.2	47
PC1	28.35	1,431,240	0	TRUNG TÍNH	7,667	16.7	1.5	41
PLX	36.75	912,070	0	TRUNG TÍNH	46,694	31.7	1.9	34
ANV	32.15	1,643,235	-1	TRUNG TÍNH	4,280	7.4	1.4	53
STB	25.55	18,131,760	-2	TRUNG TÍNH	48,167	9.6	1.2	463
VPB	19.5	13,966,290	-2	TRUNG TÍNH	130,907	7.2	1.4	272
MBB	18.25	8,700,365	-2	TRUNG TÍNH	82,745	4.7	1.1	159
VIB	20.3	4,573,110	-2	TRUNG TÍNH	42,786	5.1	1.3	93

TPB	22.85	3,903,420	-2	TRUNG TÍNH	36,143	5.7	1.1	89
DGW	33.9	2,518,225	-2	TRUNG TÍNH	5,664	8.0	2.3	85
HAG	7.6	10,993,520	-2	TRUNG TÍNH	7,048	6.2	1.4	84
DBC	15	5,108,650	-2	TRUNG TÍNH	3,630	684.6	0.8	77
FTS	27.85	2,658,635	-2	TRUNG TÍNH	5,432	29.1	1.6	74
VRE	28.15	2,611,230	-2	TRUNG TÍNH	63,966	18.7	1.9	74
PVD	20.4	3,507,985	-2	TRUNG TÍNH	11,340	#N/A N/A	0.8	72
EIB	19.1	3,099,555	-2	TRUNG TÍNH	28,179	9.6	1.4	59
CTG	28.9	1,824,045	-2	TRUNG TÍNH	138,886	8.3	1.3	53
PVT	20.2	2,481,755	-2	TRUNG TÍNH	6,538	7.6	1.1	50
VCB	87.9	531,555	-2	TRUNG TÍNH	415,988	13.9	3.1	47
TCH	7.41	5,966,560	-2	TRUNG TÍNH	4,951	27.7	0.6	44
CTS	17.2	2,468,630	-2	TRUNG TÍNH	2,558	105.6	1.4	42
PAN	18	1,760,015	-2	TRUNG TÍNH	3,760	10.1	0.8	32
FRT	63.8	1,114,880	-3	TRUNG TÍNH	7,559	19.4	3.8	71
PNJ	76.5	569,010	-3	TRUNG TÍNH	25,092	13.4	3.0	44
SSI	21.5	21,516,896	-4	TIÊU CỰC	32,231	14.8	1.4	463
VND	14.95	22,973,320	-4	TIÊU CỰC	18,206	14.9	1.3	343
HPG	20.65	16,383,715	-4	TIÊU CỰC	120,075	14.2	1.3	338
SHS	10.2	25,205,666	-4	TIÊU CỰC	8,294	42.2	0.9	257
DXG	12.75	17,407,890	-4	TIÊU CỰC	7,778	34.7	0.8	222
CEO	23.4	9,077,140	-4	TIÊU CỰC	6,022	21.6	1.8	212
VCI	31.15	5,850,275	-4	TIÊU CỰC	13,566	25.8	2.0	182
HCM	25.35	6,520,940	-4	TIÊU CỰC	11,590	16.7	1.4	165
TCB	29.5	5,292,120	-4	TIÊU CỰC	103,759	5.1	0.9	156
KBC	24.3	6,207,660	-4	TIÊU CỰC	18,653	12.2	1.2	151
ACB	24.25	4,557,975	-4	TIÊU CỰC	81,734	6.0	1.4	111
BSR	15.7	7,026,680	-4	TIÊU CỰC	48,678	3.3	0.9	110
POW	13	7,485,275	-4	TIÊU CỰC	30,444	14.8	1.0	97
IDC	38.2	2,381,155	-4	TIÊU CỰC	12,606	7.5	2.5	91
HHV	12.8	6,905,775	-4	TIÊU CỰC	3,940	13.0	0.5	88
VHM	50.5	1,548,780	-4	TIÊU CỰC	219,896	6.1	1.4	78
CII	14.3	5,311,140	-4	TIÊU CỰC	3,607	5.0	0.7	76
SCR	7.33	7,615,410	-4	TIÊU CỰC	2,900	57.8	0.6	56
IJC	13.45	3,793,400	-4	TIÊU CỰC	3,387	8.1	0.9	51
HDC	32.7	1,337,650	-4	TIÊU CỰC	3,534	8.7	1.9	44
SZC	30.95	1,372,345	-4	TIÊU CỰC	3,150	23.8	2.0	42
GVR	15.3	2,684,690	-4	TIÊU CỰC	61,200	15.9	1.2	41
GMD	52.4	728,835	-4	TIÊU CỰC	15,792	17.3	2.3	38
HDG	31.8	1,058,105	-4	TIÊU CỰC	7,778	7.1	1.5	34
HUT	15.5	2,091,355	-4	TIÊU CỰC	5,404	37.4	1.4	32
PVC	15.2	1,851,550	-4	TIÊU CỰC	760	86.4	1.0	28
FCN	11.2	2,303,370	-4	TIÊU CỰC	1,763	44.5	0.7	26
PLC	31.8	779,245	-4	TIÊU CỰC	2,569	22.0	2.1	25
SHB	11	31,919,904	-5	TIÊU CỰC	33,736	4.4	0.8	351
HSG	14.6	12,853,095	-5	TIÊU CỰC	8,732	#N/A N/A	0.9	188
VCG	19	9,414,275	-5	TIÊU CỰC	9,232	7.9	1.3	179
NKG	13.85	8,995,055	-5	TIÊU CỰC	3,646	#N/A N/A	0.7	125

LPB	13.4	9,095,300	-5	TIÊU CỰC	23,170	4.9	0.9	122
LCG	11.65	9,026,600	-5	TIÊU CỰC	2,209	11.7	0.9	105
VIC	52.4	1,950,830	-5	TIÊU CỰC	200,613	22.2	1.8	102
MSN	73.3	1,143,720	-5	TIÊU CỰC	104,359	29.1	4.0	84
KSB	24.6	2,565,785	-5	TIÊU CỰC	1,877	14.4	1.0	63
HDB	18.75	2,738,910	-5	TIÊU CỰC	47,161	6.1	1.3	51
FPT	79.1	555,320	-5	TIÊU CỰC	86,775	15.6	3.8	44
KDH	28.25	1,510,455	-5	TIÊU CỰC	20,250	19.6	1.8	43
BID	43.7	800,265	-5	TIÊU CỰC	221,057	12.2	2.2	35
VPI	54	578,145	-5	TIÊU CỰC	13,068	23.7	3.7	31
NVL	14.05	28,317,336	-6	TIÊU CỰC	27,399	12.6	0.7	398
PDR	13.2	8,555,900	-6	TIÊU CỰC	8,866	9.9	1.1	113
ASM	8.3	3,077,100	-6	TIÊU CỰC	2,793	4.4	0.6	26
LDG	4.11	6,148,600	-6	TIÊU CỰC	1,053	276.8	0.3	25
GEX	12.6	9,362,745	-7	TIÊU CỰC	10,729	29.1	0.9	118
DGC	51.3	2,208,020	-7	TIÊU CỰC	19,483	4.1	1.8	113
MWG	38.4	2,725,580	-7	TIÊU CỰC	56,194	13.6	2.3	105
VNM	70.5	1,038,070	-7	TIÊU CỰC	147,342	19.4	4.9	73
DCM	23.35	2,937,140	-7	TIÊU CỰC	12,361	3.0	1.2	69
DPM	33.15	1,960,590	-7	TIÊU CỰC	12,973	2.3	0.9	65
IDI	11.2	4,159,130	-7	TIÊU CỰC	2,550	4.7	0.8	47
VGC	33.4	862,240	-7	TIÊU CỰC	14,751	12.1	1.9	29

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**NHNN chính thức cho phép ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn**

Trước diễn biến kinh tế thế giới, tình hình phát triển kinh tế xã hội trong nước ba tháng đầu năm 2023 và các khó khăn, thách thức tác động tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân; thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngày 23/4/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Trong đó, Thông tư cho phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ khoản vay phục vụ đời sống, tiêu dùng. Thời gian triển khai việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực (24/4) đến hết ngày 30/6/2024. Các khoản nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ là các khoản cho vay và cho thuê tài chính. Ngân hàng Nhà nước trao quyền chủ động cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc xem xét, đánh giá khó khăn của khách hàng để quyết định việc cơ cấu lại khoản nợ vay của khách hàng. Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ do tổ chức tín dụng quyết định nhưng không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

**PVD: đặt mục tiêu lợi nhuận năm 2023 đạt 100 tỷ đồng**

Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - PV Drilling (mã PVD - sàn HOSE) mới công bố kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận sau thuế hợp nhất kỳ vọng đạt 100 tỷ đồng. Năm 2023, PV Drilling đặt kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất đạt 5.400 tỷ đồng, giảm nhẹ so với thực hiện năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế hợp nhất kỳ vọng đạt 100 tỷ đồng (trong khi năm trước lỗ tới 155 tỷ đồng). Trong khi đó, Công ty mẹ kỳ vọng mang về 120 tỷ đồng. Năm 2023 được dự báo tình hình kinh tế thế giới còn khó khăn với nhiều biến động khó lường tiếp tục tác động đến kinh tế Việt Nam nói chung và ngành dầu khí nói riêng. Trong bối cảnh đó, PVD đã thu xếp được việc làm liên tục và ổn định cho các giàn khoan sở hữu trong năm 2023 với đơn giá dịch vụ đã được cải thiện so với năm 2022 đối với các hợp đồng dài hạn vừa ký kết. Cụ thể, PV Drilling đã tiếp tục ký kết các hợp đồng khoan tại Thái Lan, Malaysia cho các giàn khoan PV Drilling I, PV Drilling VI sau khi kết thúc các chương trình khoan trong nước. Giàn khoan PV Drilling II tiếp tục thực hiện hợp đồng dài hạn 2 năm với Pertamina từ tháng 12/2022. PV Drilling cũng đang đàm phán để kéo dài chương trình khoan của giàn khoan PV Drilling III cho Hibiscus tại Malaysia qua năm 2024 với mức giá tốt hơn.

**NT2: báo lãi 233,8 tỷ đồng trong quý I/2023**

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (mã chứng khoán NT2 - sàn HOSE) mới công bố BCTC quý I/2023 với kết quả lợi nhuận tăng trưởng hơn 46%. Trong quý I/2023, Nhơn Trạch 2 ghi nhận doanh thu thuần đạt gần 2.183 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Do giá vốn cũng tăng 6% (nhưng doanh thu tăng nhiều hơn) nên lợi

nhuận gộp doanh nghiệp đạt 251,64 tỷ đồng, tăng 36% so với quý I/2023. Kỳ này, doanh thu tài chính doanh nghiệp đạt hơn 22 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước chỉ đạt hơn 1,7 tỷ đồng chủ yếu do lãi tiền gửi ngân hàng tăng. Chi phí tài chính theo đó cũng tăng lên 7,1 tỷ đồng, gấp 3,4 lần cùng kỳ. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng gần 20% lên hơn 20 tỷ đồng. Kết quả, Nợ Trách 2 báo lãi sau thuế 233,8 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 46% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối quý I, tổng tài sản doanh nghiệp đạt 8.427,8 tỷ đồng, tăng hơn 13,2% so với hồi đầu năm. Trong đó, tiền các khoản tương đương tiền giảm từ hơn 384,2 tỷ đồng xuống vón vện gần 1 tỷ đồng; ngược lại, các khoản phải thu ngắn hạn tại tăng gấp đôi lên 4.383,73 tỷ đồng. Theo thuyết minh báo cáo, khoản phải thu này ngắn hạn này hầu như toàn bộ đến từ Công ty Mua bán Điện (EPTC).

### **VHM: ghi nhận lãi sau thuế đạt 11.923 tỷ đồng trong quý I/2023**

Tổng doanh thu thuần hợp nhất ghi nhận trong Quý I năm 2023 đạt 29.299 tỷ đồng, tăng 228% so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhờ bàn giao 2.600 căn bất động sản thấp tầng tại Đại dự án Vinhomes Ocean Park 2. Tổng doanh thu thuần hợp nhất quy đổi, bao gồm doanh thu từ các hoạt động của Vinhomes, các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận vào thu nhập tài chính đạt 42.485 tỷ đồng, tăng 198% so với cùng kỳ năm 2022, tương đương 42% kế hoạch năm 2023. Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 11.923 tỷ đồng, tăng 152% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 40% kế hoạch năm. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) trong Quý I năm 2023 đạt 2.737 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2023, quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Vinhomes lần lượt đạt 378 nghìn tỷ đồng và 160 nghìn tỷ đồng, tăng lần lượt 4,4% và 8,0% so với tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Quý I năm 2023, Vinhomes tiếp tục ghi dấu ấn với nhiều hoạt động nổi bật dành cho cư dân. Ngày 11 tháng 3 năm 2023, Vinhomes tổ chức lễ bàn giao hơn 1.000 sổ hồng cho cư dân phân khu The Rainbow (Vinhomes Grand Park, TP. HCM). Sự kiện này đã khẳng định uy tín của Vinhomes – chủ đầu tư BĐS hàng đầu Việt Nam khi luôn thực thi nghiêm túc các nghĩa vụ với cư dân và khách hàng.

### **TPB: Lợi nhuận trước thuế quý I/2023 đạt 1.765 tỷ đồng**

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) vừa công bố báo cáo tài chính quý 1/2023 với lợi nhuận trước thuế đạt 1.765 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 1.413 tỷ đồng, tăng 8,7%. Thu nhập lãi thuần sụt giảm 3,34% so với cùng kỳ, ở mức 2.737 tỷ đồng do chi phí lãi, đặc biệt là trả lãi tiền gửi cho khách hàng tăng mạnh, trong khi thu nhập từ lãi cho vay tăng với mức độ ít hơn. Tuy nhiên, lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 36%, đạt 695 tỷ đồng, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng tới 370% lên 151 tỷ đồng. Tổng thu nhập hoạt động trong quý 1/2023 đạt 3.660 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ. Chi phí hoạt động tăng 27,6% lên 1.579 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (trước trích lập dự phòng) giảm 12,5%, ghi nhận ở mức 2.079 tỷ đồng. Đáng chú ý, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 58% so với cùng kỳ xuống còn 315 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/3/2023, tổng tài sản TPBank đạt 343.522 tỷ đồng, tăng 4,5% so với đầu năm. Dư nợ cho vay khách hàng tăng 7,3% lên 172.753 tỷ. Tiền gửi khách hàng tăng 3,1%, đạt 200.998 tỷ. Đáng chú ý, nợ xấu của TPBank tăng 84% trong 3 tháng lên 2.496 tỷ đồng. Trong đó, nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) tăng mạnh 212% lên 1.199



tỷ đồng. Nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ) tăng 64% lên 764 tỷ đồng. Nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) tăng 6% lên 533 tỷ đồng. Kết quả, tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ cho vay khách hàng cuối tháng 3 vọt lên mức 1,45%, trong khi thời điểm đầu năm, con số này chỉ ở mức 0,84%.

### **VRE: Quý I/2023, ghi nhận 1.024 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất**

Tổng doanh thu thuần hợp nhất quý I đạt 1.943 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, hoạt động kinh doanh trung tâm thương mại (TTTT) ghi nhận doanh thu 1.913 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2022. Với kết quả này, Vincom Retail ghi nhận 1.024 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong quý I, tăng trưởng ấn tượng ở mức 171% so với cùng kỳ năm trước và 23% so với quý IV/2022. Trong quý I/2023, các sự kiện đón mừng Tết Nguyên đán, ngày Lễ Tình nhân và Quốc tế Phụ nữ 8/3 đã diễn ra đồng loạt trên toàn bộ hệ thống TTTM của Vincom Retail. Trong không khí rộn ràng của ngày lễ Valentine 2023, Vincom là điểm đến "tất cả trong một" cho các cặp đôi tận hưởng không gian hẹn hò lãng mạn cùng nhiều trải nghiệm ẩm thực và vui chơi hấp dẫn. Vincom Retail cũng đã tổ chức loạt hoạt động Ngày Yêu Thương tại các TTTM Vincom nhân dịp Quốc tế Phụ nữ 8/3, mang đến không gian ngọt ngào, lãng mạn cùng những món quà độc quyền và bất ngờ dành cho "một nửa thế giới". Cũng trong dịp 8/3 này, Vincom đã mang đến trải nghiệm công nghệ tương tác Real-time với thử thách "Khung hình cảm xúc" trên màn LED cong khổng lồ tại Vincom Mega Mall Smart City và Vincom Mega Mall Ocean Park. Thấu hiểu tâm lý thích lưu giữ khoảnh khắc xinh đẹp của phái đẹp, Vincom còn dành tặng những cô gái đến với TTTM cơ hội được in ảnh trực tiếp và nhận lời chúc viết tay ngọt ngào, lưu giữ những kỉ niệm hạnh phúc với hộp quà Memory Keeper độc quyền Vincom.

### **HDG: Quý I ước đạt 250 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế**

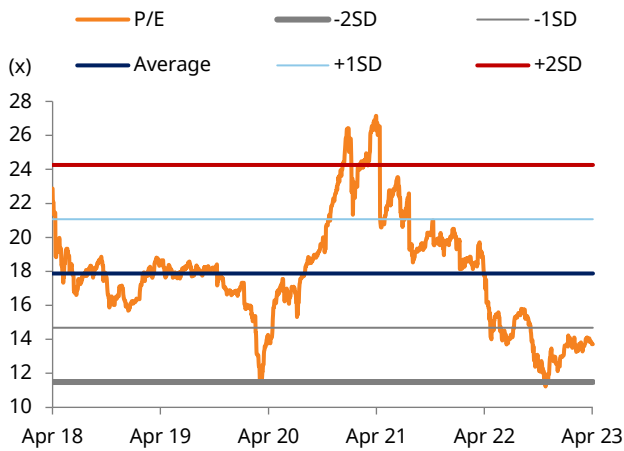
Ông Chu Tuấn Anh, Phó tổng giám đốc HDG chia sẻ, tính đến hết quý 1/2023, HDG đạt doanh thu 976 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 250 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm 2022. Cũng theo chia sẻ từ lãnh đạo HDG, mảng năng lượng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh doanh của Công ty trong năm 2023 với gần 70%, bất động sản chỉ chiếm khoảng 30%. Về định hướng kinh doanh, đối với lĩnh vực bất động sản, năm 2023, Công ty đẩy mạnh hoá giải các tồn tại thủ tục pháp lý tại các dự án, phát triển mạnh các dự án mới chống đứt gãy chuỗi sản phẩm và việc làm. Tập trung nghiên cứu các vùng có định hướng phát triển của Hà Nội và TP. HCM với mục tiêu dự kiến phát triển thành công tối thiểu 2 dự án. Theo nhận định của Ban lãnh đạo Tập đoàn, phải đến cuối năm 2023 và sang đầu năm 2024, pháp lý các dự án bất động sản tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh mới được khơi thông, Tập đoàn mới có thể hoàn thiện đầu tư và khai thác các dự án tại 30 Tạ Quang Bửu, CC3 Dịch Vọng.... Đồng thời, trong năm 2023, Tập đoàn cũng sẽ đẩy mạnh M&A các dự án bất động sản, đầu tư dự án năng lượng mới để tạo đà tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn tiếp theo. Đối với lĩnh vực năng lượng, tập trung công tác bổ sung quy hoạch và chuẩn bị đầu tư cho các dự án điện gió, đặc biệt là các dự án EaHleo, Phước Hữu... để sớm có dự án mới được triển khai. Dành nguồn lực ưu tiên tìm kiếm phát triển thêm các năng lượng tái tạo trên địa bàn các tỉnh như Ninh Thuận, Đắk Lắk, Nghệ An, Lạng Sơn, Khánh Hoà. Bên cạnh đó, HDG cũng nghiên cứu thực hiện M&A một số dự án năng lượng trong năm 2023, nếu thấy phù hợp.

### **VNM: trình mức chia cổ tức 50% năm 2023**

Năm 2023, Vinamilk đặt kế hoạch tổng doanh thu 63.380 tỷ đồng, tăng 5,5% so với năm 2022; lợi nhuận trước thuế là 10.496 tỷ đồng, bằng mức năm 2022. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty như: Sản xuất điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân. Theo lý giải của VNM, việc bổ sung ngành, nghề này để có thể bán lại điện mặt trời mái nhà dư thừa cho EVN; bổ sung việc bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, việc bổ sung thêm để linh hoạt trong việc bán lẻ các loại hàng hóa khác nhau trong các cửa hàng kinh doanh... Năm 2023, hãng sữa này cũng lên kế hoạch tái cơ cấu tổ chức mô hình kinh doanh, trong đó tập trung điều chỉnh yêu cầu chức năng, năng lực và đánh giá hiệu quả hoạt động của đội ngũ bán hàng; Xây dựng giá trị thương hiệu và chuẩn bị nền tảng tái cơ cấu tổ chức, trong đó có đánh giá lại yêu cầu năng lực của các vị trí quản lý, xây dựng cơ chế lập kế hoạch kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động; Tái cơ cấu tổ chức phân phối, trong đó tập trung điều chỉnh vai trò và hoạt động của nhà phân phối trong chuỗi cung ứng của Vinamilk.

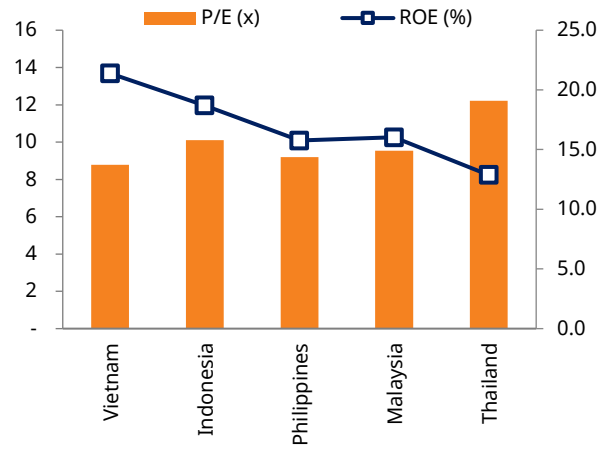
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index**



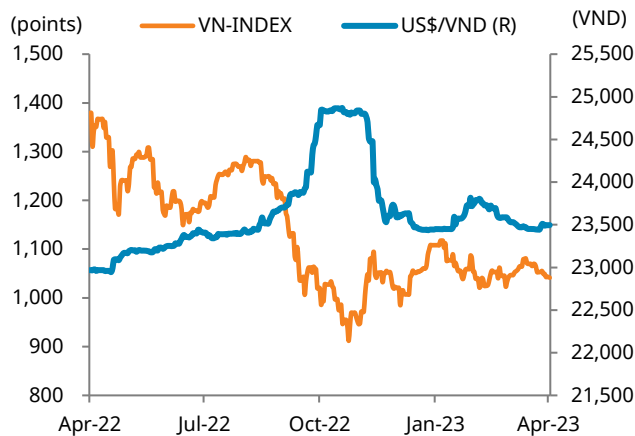
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường**



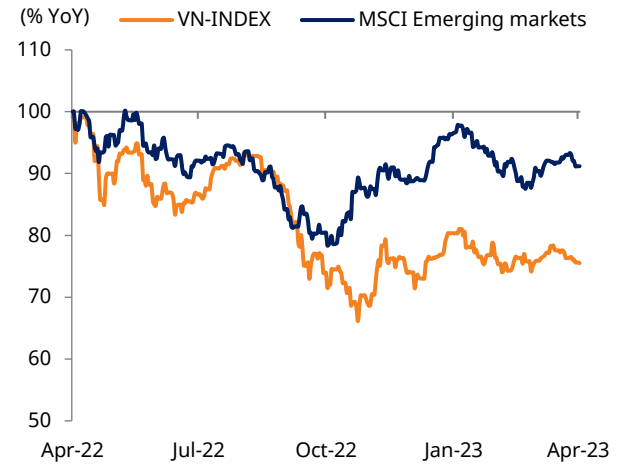
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND**



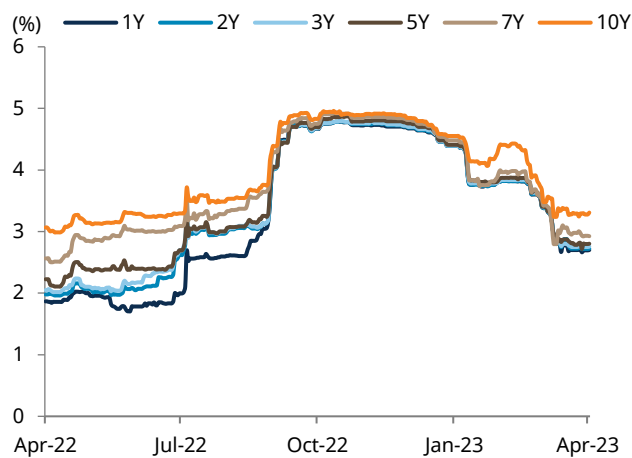
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets**



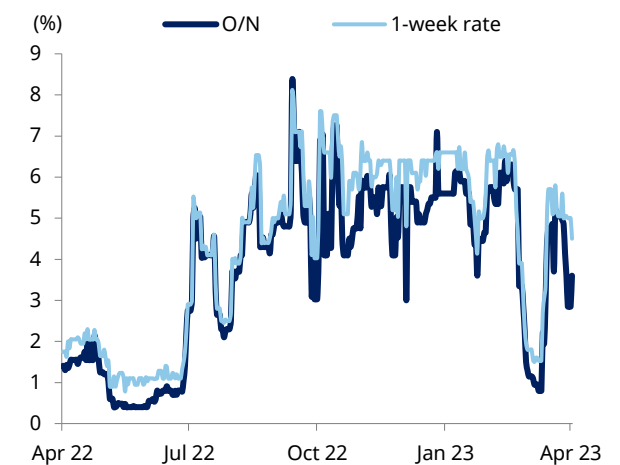
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
<b>VN-Index</b>		<b>4,160,411</b>	<b>1,041.36</b>	<b>1,392.89</b>	<b>873.78</b>	<b>-0.1</b>	<b>-1.2</b>	<b>-0.5</b>	<b>-24.5</b>	<b>13.7</b>	<b>1.6</b>	<b>13.7</b>		
<b>VN30 Index</b>		<b>3,015,471</b>	<b>1,046.17</b>	<b>1,455.15</b>	<b>863.31</b>	<b>0.0</b>	<b>-1.8</b>	<b>-0.5</b>	<b>-27.6</b>	<b>10.8</b>	<b>1.6</b>	<b>16.5</b>		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	81,734	24,200	26,500	17,450	-0.2	-3.2	-1.4	-6.3	6.0	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	221,057	43,700	48,000	28,000	-1.1	-2.9	-4.1	13.5	12.2	2.2	19.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	138,886	28,900	31,250	19,500	1.0	-1.0	1.4	-1.7	8.3	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	47,161	18,750	21,800	13,050	-0.3	-2.8	3.9	-6.8	6.1	1.3	23.5	19.5	0.7
MBBank	MBB VN	82,745	18,250	25,417	13,200	1.1	0.0	2.8	-27.0	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	48,167	25,550	29,000	14,050	-0.2	-1.4	2.0	-11.3	9.6	1.2	13.8	26.1	3.9
Techcombank	TCB VN	103,759	29,500	44,300	19,300	2.8	0.2	11.5	-33.1	5.1	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	36,143	22,850	35,700	18,300	1.3	-0.7	3.9	-35.1	5.7	1.1	20.9	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	415,988	87,900	96,300	62,000	0.5	-0.6	-1.2	6.9	13.9	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	42,786	20,300	32,222	16,200	0.7	-1.7	-3.1	-35.5	5.1	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	130,907	19,500	24,633	13,650	0.3	-4.6	-7.8	-20.5	7.2	1.4	20.7	17.5	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	32,231	21,500	34,071	13,050	-0.7	0.7	5.1	-36.5	14.8	1.4	9.3	N/A	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	34,444	46,400	66,200	41,200	-1.0	-1.7	-4.3	-26.3	22.2	1.7	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	81,869	79,100	101,800	58,200	0.0	-0.4	-3.5	4.8	58.3	4.8	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	27,399	14,050	86,800	10,050	3.3	-5.1	18.1	-82.7	12.6	0.7	6.0	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	8,866	13,200	64,500	9,940	1.5	-5.0	6.9	-79.7	9.9	1.1	11.3	2.8	46.2
Vinhomes JSC	VHM VN	219,896	50,500	71,200	39,400	0.4	0.4	3.1	-21.9	6.1	1.4	25.3	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	200,613	52,600	80,500	49,700	-0.2	-0.6	-1.3	-32.3	22.2	1.8	8.4	12.9	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	63,966	28,150	31,650	21,400	0.9	-0.5	-3.8	-8.9	18.7	1.9	10.5	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	56,194	38,400	79,000	35,250	-2.3	-3.6	1.2	-50.7	13.6	2.3	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	104,359	73,300	124,600	69,100	-4.1	-6.1	-6.0	-40.6	29.1	4.0	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	109,723	171,100	203,000	149,000	0.4	4.3	-8.9	0.5	21.5	4.7	23.6	62.5	37.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	147,342	70,500	85,600	64,500	-0.6	-1.7	-6.0	-7.1	19.4	4.9	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,694	36,750	50,400	22,950	0.0	1.8	1.1	-26.6	31.7	1.9	5.8	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	61,200	15,300	30,000	9,300	1.3	-0.6	3.4	-48.1	15.9	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,075	20,650	33,692	11,800	-0.2	-1.0	1.2	-38.7	14.2	1.3	9.1	23.5	25.5
FPT Corp	FPT VN	86,775	79,100	98,000	61,300	-0.3	-0.6	0.6	-14.6	15.6	3.8	26.6	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	52,753	97,400	138,500	94,000	-0.1	-2.2	-8.3	-29.5	N/A	3.5	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	178,189	93,100	134,000	92,600	-2.4	-4.2	-9.1	-17.1	12.1	3.0	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	30,444	13,000	16,400	8,910	1.6	-2.6	-1.9	-2.6	14.8	1.0	7.0	7.7	41.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.